

# Ý THỨC PHẢN TỈNH VÀ BI KỊCH CỦA NGƯỜI TRÍ THỨC NHO SĨ QUA BÀI THƠ “SA HÀNH ĐOẢN CA” (NGŨ VĂN 11)

PHAN QUỐC THANH\*

**S**a hành đoản ca (Bài ca ngắn đi trên bãi cát) là bài thơ chữ Hán đặc sắc của Cao Bá Quát. Thi phẩm là kết quả của những tri nhận trực tiếp của bản thân tác giả trong những chuyến vào kinh ứng thí và sự tổng hợp thức nhận về con đường công danh đầy trắc trở mà chính nhà thơ đã từng hăm hở, dẫn thân.

1. Mở đầu bài thơ là hình ảnh con người dẫn thân trên hành trình vạn dặm có bãi cát dài mênh mông, nối tiếp nhau đến bất tận: “*Trường sa phục trường sa/ Nhất bộ nhất hồi khúc*” (Bãi cát dài lại bãi cát dài/Đi một bước như lùi một bước). Sự phối thanh và phối âm là nét đặc biệt của hai câu mở đầu tạo nên âm hưởng chủ đạo của cả bài. Câu thứ nhất điệp lại từ “trường sa” với hai thanh bằng cùng nguyên âm *a* có độ mở rộng đứng cuối nhịp mở ra một không gian bất tận, mênh mang. Thanh trắc ở chữ “*phục*” lại đột ngột xuất hiện tạo nên bức chắn trùng điệp, âm điệu của câu thơ đến đây bị chùng lại rồi mở ra tiếp cái mênh mang. Đến câu thơ thứ hai việc lặp từ “*nhất*” hai lần với việc chiếm ưu thế của thanh trắc (4/5 thanh) đã gợi ra hình ảnh con đường trập trùng, mỗi lần ngoảnh lại nhìn chỉ thấy mênh mông tứ bề là những trùng cát nối tiếp nhau chạy tới vô cùng mà một thân lữ khách phải vượt lên.

Hai câu thơ 3 và 4 cũng là những câu thơ trập trùng thanh trắc với 8/10 thanh: “*Nhật nhập hành vĩ dĩ/ Khách tử lệ giao lạc*” (Mặt trời đã lặn mà hành trình trên cát của người lữ khách vẫn chưa dừng được). Trên con đường vạn dặm in đậm dấu chân nhỏ nhoi, bất lực của con người, mỗi bước tiến lên là một bước trôi lùi lại phía sau. Hình ảnh bước chân trên cát và con đường vạn lí là kết quả tri nhận trực tiếp của nhà thơ trên hành trình từ quê nhà Phú Thị vào kinh đô Huế ứng thí. Cảm giác mỗi một nhọc nhằn được đặc tả qua hình ảnh những giọt nước mắt cay cực hòa lẫn cùng mồ hôi mặn chát thấm vào từng kẽ răng đầu lưỡi. Cụm từ “*lệ giao lạc*” đã miêu tả chân thực dòng nước mắt hòa lẫn vào nhau thấm vào cả tâm hồn của người lữ khách. Cùng với hình ảnh con đường dài, bãi cát mênh mông... là hình ảnh mặt trời đã tắt, thời gian

muộn màng, lúc này chỉ có hình ảnh một con người đi trong sự vây riết của bóng tối mịt mù.

Tính chân thực của bối cảnh không - thời gian không ngăn cản sự liên tưởng của người đọc đến ý nghĩa biểu tượng - “phản chìm” của lớp nghĩa tượng trưng ở các câu thơ. Điểm đặc biệt là các lớp nghĩa cứ hòa thấm, giao thoa một cách tự nhiên tạo nên vẻ đẹp đặc biệt của hình ảnh thơ.

Thi phẩm được xếp vào loạt bài “làm trong khi đi thi Hội” làm chúng ta nhớ lại quãng đời theo đuổi nghiệp đèn sách của nhà thơ. Mười bốn tuổi lều chông đi thi cũng hăm hở, lăm le bia đá bằng vàng như bao sĩ tử. Năm 23 tuổi ông đậu cử nhân (từng đỗ nhì ở trường thi Bắc Thành nhưng không hiểu sao lại bị Bộ lễ đánh tụt chót bảng; 9 năm tiếp theo thi hội nhưng không đậu). Từ hình ảnh không gian, thời gian mang tính tả thực đã chuyển thành hình ảnh con đường đời và thời gian tâm lí, thời gian sinh mệnh đời người một cách tự nhiên. Tính hiện thực hòa vào tính biểu tượng chính là nét độc đáo của các thi ảnh. Đến đây khách thể đã được “nội cảm” hóa.

Từ hiện thực tăm tối, giọng thơ chuyển sang bi phẫn: “*Quân bất học tiên gia mĩ thụ ông/ Đẳng sơn thiệp thủy oán hà cùng!*” (Không học được tiên ông phép ngủ/Tèo non, lội suối, giận khôn nguôi). Hình ảnh “đẳng sơn thiệp thủy” là hình ảnh tèo non lội suối của sĩ tử Cao Bá Quát - một hình ảnh có tính tả thực - nhưng xét ở cấu trúc đối của nó ta lại nhận ra một thành ngữ chỉ sự gian truân của con đường công danh mà tác giả đang dẫn thân kiếm tìm với bao thử thách. Từ giọng bi phẫn, oán thán nhà thơ chuyển sang giọng bình luận - trữ tình: “*Cổ lai danh lợi nhân/ Bôn tẩu lộ đồ trung*” (xưa nay phường danh lợi/Tất tả trên đường đời). Câu thơ luận về thói thường của người đời, của đám chúng nhân thường bôn tẩu, đôn đáo vì sức cuốn của bã vinh hoa. Nét độc đáo của giọng điệu trữ tình là tính đa thanh của nó. Câu thơ vừa hướng tới khách thể, hướng tới đám “danh lợi nhân”, đồng thời hướng vào chủ thể trữ

\* Trường THPT Hương Khê, Hà Tĩnh

ình. Trong đám danh lợi nhân ấy, trong đám người say vì bả vinh hoa có sự tham dự của chính nhà thơ, có cả bản thân tác giả. Ý thức phản tỉnh trước thực tại đã tạo nên một sự thức nhận sâu sắc. Trong tiếng cười người đầu vắng thiếu chất giọng tự trào, tự cười mình trong đó. Nhà thơ đã “khách thể hóa” cái tôi trữ tình để tự điều tự cười cái con người tục có trong bản thân ông. Trên con đường nhà thơ đã lựa chọn, đã và đang dẫn thân mang cả một ý thức hệ nghiêm túc mà suốt phần trai trẻ tác giả đã dành bao tâm huyết, hoài bão chứ đâu phải là câu chuyện nhất thời thoáng qua, của kẻ đứng ngoài “ghé mắt trông ngang”. Thế mà rút cuộc nhà thơ ngộ ra bao điều cay đắng khi cuộc đời ông đã đi đến gần cuối chặng hành trình.

Khi nhà thơ có ý thức phản tỉnh, suy ngẫm về con đường đời, về chúng nhân thì tác giả nhận thấy trong đám cầu danh kiếm lợi ấy có một Cao Chu Thần! Đây là một cái nhìn hiện thực mang dư vị cay đắng nhưng không kém phần dũng cảm và giàu tính nhân văn.

2. Một trong những nét đặc sắc của thi phẩm là bài thơ chuyển giọng rất tự nhiên. Từ giọng bình luận nhà thơ chuyển sang giọng triết luận - trữ tình: “*Phong tiên tửu điểm hữu mĩ tửu/Tính giả thường thiếu túy giả đồng*” (Đầu gió hơi men thơm quán rượu/Người say vô số, tính bao người?). Câu thơ mang ý nghĩa suy ngẫm của tác giả. Liệu trong hai loại người ấy ta thuộc vào “tính giả” hay là “túy giả” đây? Dường như Cao Bá Quát không có ý tự xếp mình vào một trong hai hạng người theo kiểu phân loại, đối lập. Trong cái thường tình của chúng nhân, của đám người say có cá nhân ông. Nhưng có điều trong lúc hòa cùng đám “túy giả” nhà thơ mới ngộ ra, mới nhận thức lại ý nghĩa của con đường đã chọn và thấy được sự vô nghĩa của nó mà bấy lâu nay kẻ trí thức nho sĩ cuối mùa như ông hằng đeo đuổi. Mới đọc câu thơ người đọc dễ có cảm tưởng nhà thơ đứng trên, đứng ngoài đối tượng để bình luận, triết luận, là kẻ đóng vai người vô can trước thói tục nhân tình. Nhưng ở bề sâu của vấn đề ta nhận ra một sự thức nhận, sự phản tỉnh của tác giả. Cái thanh, cái tục của mỗi người lại có ngay trong con người nhà thơ. Thật khó phân định đây là cái nhìn hướng ngoại hay là hướng nội. Tính độc đáo của hình tượng chính là sự giao thoa kì thú ấy.

Góp phần vào việc bộc lộ ý thức phản tỉnh, ý thức về bi kịch của cái tôi tác giả là nghệ thuật khách thể hóa cái tôi trữ tình. Cao Bá Quát đã “phân thân” để đối thoại, tự soi chiếu và bộc lộ tâm trạng trữ tình. Các đại từ “khách”, “quân” (ngôi thứ hai) và “ngã”

(ngôi thứ nhất) xuất hiện tới bốn lần trong một bài thơ 16 câu quả là một tần số có nhiều ý nghĩa. Cao Bá Quát đã sử dụng đại từ ngôi hai để trở bản thân. Cái tôi trữ tình đã mang ý thức đối thoại. Cách sử dụng các nhóm đại từ nhân xưng như thế đã tạo nên cái nhìn nhiều chiều về con người. Cái tôi trữ tình ở đây khi được miêu tả như một khách thể, khi như một người đối thoại, lúc lại là chủ thể tự biểu hiện. Tất cả là cái tôi phản tỉnh cái tôi đa diện - muôn mặt như muôn vẻ của đời thường.

Qua các điểm nhìn ấy chủ thể trữ tình tự bộc lộ là kẻ lữ khách (khách tử) là người đường cùng (cùng đồ), kẻ vỡ mộng trước hiện thực. Tâm trạng trữ tình là cả một tấn bi kịch giằng xé quyết liệt giữa hoài bão, ước mơ cao đẹp, lí tưởng sáng ngời và hiện thực tầm thường đen tối. Tiếc cho danh xưng Cao Bá Quát và tên chữ Chu Thần là một “vật tin” mà sinh thời người cha đã gửi gắm, kì vọng và sự lựa chọn của chính tác giả với bao hi vọng mai hậu sẽ trở thành bậc hiền sĩ tìm được đường minh quân, thành hiền thần như cặp song sinh Bá Đạt, Bá Quát của nhà Chu thời Trung Hoa cổ đại - bây giờ chỉ còn nổi đắng cay bi phần.

Vỡ mộng, bất lực trước hiện thực, nhà thơ chỉ biết ngẩng mặt lên trời hát khúc bi ca của kẻ cùng đường. Đối mặt với thực tại nghiệt ngã: “*Thần lộ mang mang úy lộ đa*” (Tinh sao đây, đường bằng mù mịt) - trước con đường bằng phẳng thì mịt mờ không thấy đích còn con đường ghe sợ đầy chông gai lại quá nhiều, tâm trạng trữ tình đẩy đến đỉnh điểm của sự bi phần. Niềm uất ức được gửi vào từng câu chữ, đã kiến tạo nên những câu thơ điệp trùng thanh trắc như che chắn mắt tâm nhìn và ngăn vướng bước chân của người lữ khách. Cách kiến tạo ấy nằm ngay trong đoạn thơ kết. Ngay trong một câu liên tiếp điệp lại của trắc - bằng đã diễn tả rất đắt tâm trạng bi phần, uất ức như chực trào ra thành khúc cuồng ca. Câu thơ “*Thính giả nhất xướng cùng đồ ca*” (Hãy nghe ta hát khúc đường cùng) là một câu như thế. Bốn thanh trắc liên tiếp tạo nên sự dồn nén đầy uất ức. Và từ tâm trạng tấ m tức ấy là sự giải thoát của xúc cảm, giải phóng của nỗi lòng bằng loạt 3 thanh bằng liên tiếp ở cuối câu thơ cùng với nguyên âm *a* nằm ở cuối câu có độ mở rộng làm bật ra khúc bi ca ở âm vực cao. Cùng với việc lặp thanh điệu là sự lặp lại của cấu trúc câu và hình ảnh ở những câu kết. Tất cả diễn tả cái tột cùng của bế tắc và niềm bi phần: “*Bắc sơn chi bắc sơn vạn điệp/Nam sơn chi nam ba vạn cấp/Quân hồ vi hộ sa thượng lập?*” (Phía

bắc núi Bắc, núi muôn trùng/Phía nam núi nam  
sóng dào dạt/Anh đứng làm chi trên bãi cát?).

Thi nhân trung đại khi gặp bế tắc trên đường đời họ thường ngẩng đầu lên trời cao hay nhìn về bốn phương mong tìm được sự tương thông, giải thoát. Nhưng lúc này đây nhà thơ hướng về bốn phương cũng chẳng thấy gì ngoài núi tiếp núi, sóng tiếp sóng. Sự mất hướng của chủ thể trữ tình đã dồn lên cả số phận của câu chữ. Cả ba câu cuối cùng có sự xuất hiện ba thanh trắc liên tiếp ở mỗi câu cùng phụ âm "p" tắc vô thanh như chấn mất tầm nhìn và dồn nén tâm trạng bi phẫn dội trở lại, hướng vào nội tâm của chủ thể. Câu kết là một câu hỏi lớn, một câu hỏi không có lời đáp về tấn bi kịch của cuộc đời nhà thơ và cũng là của những trí thức nho sĩ võ mộng. Đại từ nhân xưng ở câu kết là đại từ nhân xưng ngôi hai. Nó vừa trở nhà thơ vừa hướng tới khách thể, tới những ai cũng đang lặn dạn, bôn tẩu trên con đường công danh đầy bấp bênh này. Câu thơ mang ý nghĩa thức nhận, ý thức phản tỉnh sâu sắc, quyết liệt. Dù chưa có câu trả lời nhưng nó đã có ý nghĩa phủ định những gì bấy lâu nhà thơ hoài công theo đuổi.

Không ngẫu nhiên khi một đời trai trẻ hăm hở nuôi nhiều kì vọng vào đáng minh quân để mai này thành "lương tướng, tôi hiền", thành "thần tử" của nhà Chu nhưng rồi cuộc Cao Bá Quát lại làm quân sư cho cuộc khởi nghĩa nông dân chống lại triều Nguyễn, chống lại thể chế mà mình đã tôn thờ. Và kết cục là thảm kịch tru di tam tộc. Suy đến cùng, tấn bi kịch của nhà thơ là tấn bi kịch mang tính thời đại, của cả một giai tầng nho sĩ cuối mùa, của những con người "Đau đời có cứu được đời đâu" (Huy Cận).

\*\*\*

**Sa hành đoản ca** là bài thơ được viết theo thể cổ phong khá tự do về niêm, luật, vần, số câu, số chữ, ngắt nhịp, với nhiều câu hỏi, câu cảm, điệp từ, điệp cấu trúc câu, hình ảnh giàu tính hình tượng. Tất cả góp phần làm nổi bật giọng bi phẫn của một cái tôi bi kịch, võ mộng, một ý thức phản tỉnh sâu sắc. Hi vọng những ý kiến trên đây của chúng tôi phần nào sẽ giúp giáo viên, học sinh dạy và học có hiệu quả hơn khi tiếp cận văn bản này trong chương trình Ngữ văn 11. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Trần Đình Sử. **Ngữ văn 11** (cơ bản và nâng cao). NXB Giáo dục, H. 2007.
2. Trần Nho Thìn. **Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa**. NXB Giáo dục, H. 2008.
3. Phan Trọng Luận. **Phân tích tác phẩm văn học trong nhà trường**. NXB Giáo dục, H. 1978.

#### SUMMARY

*Sa Hành Đoản Ca by Cao Bá Quát is a Chinese poem of unusual excellence. The poem indicates sharply the writer's tiredness, sorrow and pessimistic attitude to his as well as many intellectuals' choice of the way to make a living and get promotion - studying hard and passing examinations to become Mandarins - at the time the Confucianism was going to decline.*

*This is a self-consciousness tragedy of not only the writer but also a great deal of other intellectuals at the end of Confucian time.*

## Tổ chức hoạt động hợp tác...

(Tiếp theo trang 36)

Năm Thọ, Bình Chúc... Mỗi nhân vật đều là một dạng bi kịch. Nếu có điều kiện, GV cần khơi gợi để HS mở rộng bức tranh về một xã hội thế lương, ảm đạm. Và có thể hỏi thêm để thấy trò cùng trao đổi: *Ai có lỗi trong đau khổ của Chí Phèo và của mỗi nhân vật?*

\*\*\*

Khi tổ chức hoạt động hợp tác nên kết hợp cả 3 con đường trong sự đối thoại để tác phẩm được nhìn nhận một cách toàn diện, sâu sắc. Việc tổ chức các nhóm 2, 3, 5 HS hay hỗn hợp tùy thuộc vào tình huống cụ thể của từng con đường. Dạy học hợp tác trong sự vận dụng này góp phần khắc phục tình trạng đơn điệu trong giờ văn xưa nay thường chỉ tập trung vào một vài nhân vật chính. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Viết Chữ. **Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.
2. Nguyễn Thị Hồng Nam. "Tổ chức hoạt động hợp tác trong học tập theo hình thức thảo luận nhóm". *Tạp chí Giáo dục*, số 26, tháng 3/2002, tr.18-20.
3. Lê Văn Tạc. "Một số vấn đề về cơ sở lí luận học hợp tác nhóm". *Tạp chí Giáo dục*, số 81/2004, tr.23-25.

#### SUMMARY

*Up to now, the teaching of "Chí Phèo" - the one of home country's literary masterpiece has had a great effort; however, we haven't achieved the best effectiveness in bring into play student's ability. Cooperated teaching organization create collaborative communication and conversation between teachers and students, students and students, students and characters, students and writers, which certainly would have been the new effect in modernization of teaching and studying literature works.*